

Bản án số: 440/2023/DS-PT  
Ngày 16 - 11 - 2023  
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Hồng

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Văn Ngọt

Ông Lê Minh Đạt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Phần - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 271/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 80/2023/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3375/2023/QĐPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** 1. Ông Lê Văn Q, sinh năm: 1967;

2. Bà Trương Thị Đ, sinh năm: 1967;

Cùng địa chỉ: Số F, đường C, Khu phố F, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T - Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Văn T - Đoàn luật sư tỉnh B. (Có mặt)

**- Bị đơn:** Bà Lê Thị Kim H, sinh năm: 1960;

Địa chỉ: Số F, đường C, Khu phố F, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1962;

Địa chỉ: Số F, đường C, Khu phố F, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.  
(Có mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Lê Văn Q, bà Trương Thị Đ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung bản án sơ thẩm,*

*Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai; các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án; những lời trình bày tại các biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Văn Q và bà Trương Thị Đ cùng trình bày:*

Ông Lê Văn Q và bà Trương Thị Đ là chủ sử dụng thửa đất số 349, tờ bản đồ số 5 (nay là tờ bản đồ số 22), tọa lạc tại số nhà F, đường C, Khu phố B, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Nguồn gốc thửa đất là do ông, bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thanh H1 vào năm 1992 và ông, bà đã được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 14/02/2001. Thửa đất của ông, bà giáp ranh với thửa 350, tờ bản đồ số 5 (nay là tờ bản đồ số 22) do bà Lê Thị Kim H đứng tên quyền sử dụng đất, ranh đất giữa hai phần đất trước đây là hàng rào bông bụt, khi nhận chuyển nhượng đất thì ông, bà sử dụng bức tường chung của nhà ông Lê Văn H2 (cha của bà Lê Thị Kim H). Vào năm 2001, ông Q, bà Đ xây dựng nhà và hàng rào, vị trí xây dựng tường rào và nhà còn cách ranh đất giữa hai thửa đất một khoảng trống.

Năm 2019, bà Lê Thị Kim H xây dựng lại nhà trên thửa đất số 350, quá trình xây dựng có làm hư hỏng tường nhà của ông, bà và được Ủy ban nhân dân Phường C4 (nay là phường A), thành phố B giải quyết thỏa thuận bà H bồi thường cho ông, bà số tiền 14.000.000 đồng. Đến ngày 05/5/2020, ông Q, bà Đ phát hiện bà H xây hàng rào lấn qua ranh đất của gia đình ông, bà (hàng rào mới xây đội ô quăng căn nhà), ông, bà trích lục bản đồ địa chính và được biết nhà bà H xây dựng hàng rào lấn qua ranh đất theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập năm 1997 của gia đình ông, bà phần đất có chiều ngang đầu ngoài là 25cm, chiều ngang đầu trong là 50cm, chiều dài khoảng 10 mét, diện tích lấn chiếm khoảng 04 m<sup>2</sup>. Do đó, ông Q, bà Đ khởi kiện yêu cầu bà H tháo dỡ hàng rào trả lại phần đất trên, chi phí tháo dỡ do bị đơn chịu.

Sau khi tiến hành đo đạc, ông Q, bà Đ có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bà H tháo dỡ phần bức tường nhà xây lấn qua phần đất của ông, bà có diện tích 1,1 m<sup>2</sup> (thửa 349f theo hồ sơ đo đạc ngày 26/3/2021), bít các lỗ thông hơi và cửa sổ mở qua phần đất của ông, bà và tháo dỡ hàng rào, trả lại phần đất có diện tích 2,2 m<sup>2</sup> (thửa 349e theo hồ sơ đo đạc ngày 26/3/2021), mọi chi phí bị đơn chịu. Tổng cộng phần diện tích ông, bà yêu cầu bà H trả lại là 3,3 m<sup>2</sup> thuộc một phần

thửa 349, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Ông, bà rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà H trả lại phần đất có diện tích 0,7m<sup>2</sup>.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H đã tự ý tháo dỡ, đập bỏ bồn hoa trên không nằm trên phần đất của ông, bà để xây hàng rào. Vì vậy, ông, bà có yêu cầu khởi kiện bổ sung yêu cầu bà H xây trả lại bồn hoa đã bị tháo dỡ, đập bỏ với kích thước bồn hoa có chiều ngang khoảng 0,7 mét, chiều ra mặt trước khoảng 0,5 mét.

Ông, bà thống nhất với hồ sơ kỹ thuật thửa đất mà cơ quan chức năng đã lập vào năm 1997 đối với thửa đất số 349 của ông, bà. Ông, bà thống nhất với hồ sơ đo đạc ngày 29/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Bến Tre. Đối với hồ sơ đo đạc ngày 20/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Bến Tre thì ông, bà không đồng ý và đang khiếu nại đến Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B, nội dung khiếu nại do phần chú thích không có điểm 33 là ranh theo hồ sơ địa chính, thực tế ranh đất của ông, bà đến điểm 33 của hồ sơ đo đạc ngày 20/02/2023. Vì vậy, ông, bà yêu cầu hoãn phiên tòa để chờ kết quả trả lời khiếu nại của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B.

*Theo đơn phản tố, bản tự khai; lời trình bày tại biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị Kim H trình bày:*

Bà Lê Thị Kim H là chủ sử dụng phần đất thửa 350, tờ bản đồ số 5 (nay thuộc tờ bản đồ số 22), tọa lạc tại số nhà F, đường C, Khu phố B, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Nguồn gốc thửa đất là do bà nhận thừa kế từ cha ruột của bà là ông Lê Văn H2, bà đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 11/7/2017. Phần đất này được gia đình bà quản lý, cất nhà trên đất từ trước năm 1975, ranh đất là hàng rào bông bụt chạy dài từ trước ra sau có chiều dài khoảng 19-20 mét, chiều ngang khoảng 70 cm và thuộc quyền sử dụng đất của gia đình bà. Nhà ông Q mua của ông H1 là nhà cây, mái ngói đã mục, cột cây, nền gạch tàu, phía vách nhà bên phía giáp với nhà bà H không có mà nhờ vách nhà của gia đình bà H che khuất, 03 vách còn lại là vách cây. Đến năm 2001, ông Q xây nhà, ông Q đốn hàng rào bông bụt, xây tường nhà sát vách tường gia đình bà H. Theo biên bản đo đạc ngày 24/5/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B thì diện tích đất của ông Q có tăng lên nhưng không có sự chứng kiến, ký giáp ranh của bà H. Năm 2019, bà xây dựng lại nhà mới dựa trên bức tường cũ được xây trước năm 1975, đồng thời xây dựng hàng rào trên phần đất của bà cặp theo hàng rào cũ mà trước đây cha bà là ông H2 đã xây dựng. Phần bức tường nhà và hàng rào bà xây dựng trên phần đất của bà và dựa trên vị trí tường cũ, không có sự thay đổi vị trí

sang phần đất của ông Q nên không có lấn sang đất của ông Q. Vì vậy, bà H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Q, bà Đ về việc yêu cầu tháo dỡ tường nhà, hàng rào trả lại phần đất thuộc thửa 349e, diện tích 2,2 m<sup>2</sup> và 349f, diện tích 1,1 m<sup>2</sup>, bà đề nghị Tòa án giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất đối với hai thửa đất. Đồng thời, bà H có yêu cầu phản tố, yêu cầu ông Q, bà Đ cắt, tháo dỡ phần mái tole đã xây dựng lấn qua hàng rào mới xây của bà. Bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Q, bà Đ tháo dỡ phần ô quăng. Đối với yêu cầu của ông Q và bà Đ về việc yêu cầu bít 02 lam gió và cửa sổ, bà H đã thực hiện xong. Ngoài ra vào năm 2019, quá trình xây dựng nhà có xảy ra tranh chấp do ông Q và bà Đ cho rằng bị hư hỏng tường nhà, bà và ông Q, bà Đ đã thỏa thuận giải quyết bồi thường cho ông Q, bà Đ số tiền 14.000.000 đồng.

*Theo bản tự khai; lời trình bày tại biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N trình bày:* Ông Nguyễn Văn N thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thị Kim H.

*Theo lời trình bày tại biên bản lấy lời khai, người làm chứng ông Lê Quốc C trình bày:*

Ông là em ruột của ông Q, năm 2001 ông là người trực tiếp xây nhà và hàng rào cho ông Q và bà Đ. Khi làm hàng rào giữa ông Q và bà H không có thống nhất chỉ ranh mà ông căn cứ vào hàng rào cây bông bụt do cha bà H trồng từ xưa để làm ranh. Ông xây hàng rào mới cặp theo hàng rào cây xanh, nhưng do hàng rào không thẳng nên khi xây ông chừa ra phần đất diện tích chiều ngang khoảng 25 cm, chiều dài khoảng 09 mét, đầu trong chỗ máng nước có chiều ngang khoảng 50 cm. Do đó phần đất của ông Q sau khi làm hàng rào vẫn còn nằm bên phía nhà bà H. Việc này ông có nói cho ông Q, bà Đ biết nhưng ông Q, bà Đ không có ý kiến gì, ông không có nói cho bà H biết.

*Theo lời trình bày tại biên bản lấy lời khai, người làm chứng ông Trương Văn Q1 trình bày:*

Ông là em ruột của bà Đ, năm 2001 ông là người trực tiếp xây nhà và hàng rào cho ông Q và bà Đ. Khi làm hàng rào giữa ông Q và bà H có ba bà H đi ra xem hàng ngày, hai bên không có tranh chấp gì với nhau. Khi ông xây hàng rào là đã có hàng rào bông bụt của cha bà H. Căn cứ vào hàng rào cây bông bụt ông xây dựng hàng rào mới cặp theo hàng rào cây xanh, nhưng do hàng rào không thẳng, cong xéo nên vẫn còn phần đất của ông Q bên ngoài hàng rào diện tích chiều ngang khoảng 25 cm, chiều dài khoảng 09 mét, đầu trong chỗ máng nước có chiều ngang khoảng 50 cm.

*Theo lời trình bày tại biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa, người làm chứng bà Lu Thị Hồng H3 trình bày:*

Bà là hàng xóm với ông Q và bà H, bà không có quan hệ bà con và cũng không có mâu thuẫn gì với họ. Từ năm 1960, bà sống gần nhà bà H và biết nhà bà H trước đây là nhà của bà T1 lò dứa, sau đó bà T1 bán cho chú 5 C1 và chú 5 Công bán lại cho cha mẹ bà H ở cho đến nay. Gia đình bà thường qua nhà bà T1 tránh bom nên bà biết rõ trước đây giữa nhà bà H và nhà ông Q có một hàng rào cây bông bụt, hàng rào cây bông bụt này do cô dượng T1 trồng chạy dài từ trên xuống dưới cuối nhà. Nhà bà T1 là nhà tường và nhà bên cạnh là nhà cây, giữa 2 nhà có hàng rào cây bông bụt cặp vách nhà cây, bên phía nhà bà T1 còn khoảng trống khoảng 6, 7 mét bà chạy tới chạy lui chơi được, cửa sổ nhà bà T1 bên hông nhà mở ra được. Bà biết vị trí trồng cây bông bụt là thuộc phần đất của gia đình bà H.

*Theo lời trình bày tại biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa, người làm chứng ông Phạm Văn T2 trình bày:*

Ông không có bà con hay có mâu thuẫn gì với ông Q và bà H. Năm 1984, ông và em vợ ông là Nguyễn Thanh H1 có tiền mua 01 căn nhà ở Phường C (nay là phường A) để ở chung với nhau. Do ông đi làm ở Công an tỉnh còn ông H1 làm ở Công an thị xã B nên mua nhà ở chung cho tiện. Khi ông mua căn nhà thì chủ nhà và cha bà H là chú 3 Hòa Lê có chỉ ranh giữa hai bên là hàng rào cây bông bụt, có kèm vài dây kẽm gai kéo rào cặp vào hàng rào cây bông bụt, hàng rào này là do cha của bà H trồng. Kết cấu căn nhà khi ông mua là nhà cây, do nhà có 01 bên vách bằng cây bị mục hư, chỉ còn hàng cột cây nên ông xin sử dụng tạm vách nhà của cha bà H. Phía ngoài hàng cột, sát cột có xây cái gờ bằng gạch để chặn nước mưa tràn vô nhà. Khoảng cách từ hàng cột qua vách nhà bà H khoảng 60 cm, chiều dài hàng rào cây xanh khoảng 7 - 8 mét thẳng hàng, chiều dài nhà khoảng 12 mét, hàng rào cây và gờ gạch xây thẳng hàng. Đến cuối năm 1986, con ông bệnh nằm bệnh viện Thành phố Hồ Chí Minh, ông H1 bán nhà cho ông Q, chia tiền cho nhau và đi nơi khác sinh sống. Ông H1 hiện nay ở xã N, thành phố B nhưng đã bị bệnh tai biến do đó không còn minh mẫn.

*Theo giấy xác nhận, lời trình bày tại biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa, người làm chứng ông Lê Văn T3 trình bày:*

Ông là hàng xóm với ông Q và bà H, ông không có quan hệ bà con và cũng không có mâu thuẫn gì với họ. Vào khoảng năm 1991, ông là trưởng Khu phố B, Phường C (nay là phường A), thành phố B. Ông biết ranh giới thửa đất giữa ông Q và bà H trước đây là hàng rào cây bông bụt, hàng rào này do ông T1 lò dứa trồng, sau đó ông T1 bán cho ông 5 C1 và ông 5 C2 bán lại cho cha của bà H là ông H2. Hàng rào cây bông bụt này chạy dài từ cổng rào đến vách nhà của ông Q khoảng 10 mét, đến cột cây và vách cây nhà ông Q. Nhà ông H2 là nhà tường và có gác, giữa 2 nhà có vẫn còn khoảng trống khoảng 60, 70 cm. Theo ông biết vị trí trồng cây bông bụt và khoảng đất trống là thuộc phần đất của gia đình bà H.

*Theo giấy xác nhận, lời trình bày tại biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa, người làm chứng ông Lê Minh H4 trình bày:*

Ông không có quan hệ bà con và cũng không có mâu thuẫn gì với ông Q, bà H. Từ năm 1995 đến năm 2010, ông là cán bộ địa chính tại Ủy ban nhân dân Phường C4 (nay là phường A), thành phố B. Vào năm 1997, ông có dẫn đoàn đo đạc xuống đo đạc phần đất của cha bà H và ông Q, ranh đất giữa 02 thửa đất là hàng rào cây bông bụt do ông H2 là cha của bà H trồng. Phía nhà của ông H2 là nhà tường, nhà của ông Q không có vách và sử dụng vách nhờ nhà của ông H2. Vào thời điểm ông Q xây dựng nhà thì ông có xuống kiểm tra xây dựng, ông Q xây dựng nhà mới kiên cố trên nền nhà cũ và xây dựng hết ranh đất của mình.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 80/2023/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tuyên:*

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 165, 200, 217, 218, 233, 244, 259, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 175, 176 Bộ luật Dân sự; các Điều 166, 170, 202, 203 Luật đất đai; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Q, bà Trương Thị Đ đối với bị đơn bà Lê Thị Kim H về việc yêu cầu tháo dỡ hàng rào và tường nhà để trả lại phần đất có diện tích 1,7 m<sup>2</sup> thuộc các thửa đất 349f (1,1 m<sup>2</sup>), 349i (0,1 m<sup>2</sup>) và 349h (0,5 m<sup>2</sup>) thuộc một phần thửa đất số 349, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại phường A, thành phố B. Xác định ranh giới giữa thửa đất số 349, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại phường A, thành phố B với thửa đất số 350, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại phường A, thành phố B là từ điểm 65-64-63-62-61-60-58-59-54-50-51-52-53. (Thể hiện theo hồ sơ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B ngày 20/02/2023 kèm theo)

Ông Lê Văn Q và bà Lê Thị Kim H liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh lại diện tích và hồ sơ kỹ thuật thửa đất theo ranh giới đã được xác định theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Q, bà Trương Thị Đ đối với bị đơn bà Lê Thị Kim H về việc yêu cầu bít 02 lam gió, cửa sổ và xây lại bồn hoa đã tháo dỡ.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Q, bà Trương Thị Đ đối với bị đơn bà Lê Thị Kim H về việc yêu cầu trả lại phần đất 0,7 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 349, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại phường A, thành phố B.

4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị Kim H đối với nguyên đơn ông Lê Văn Q, bà Trương Thị Đ, buộc ông Lê Văn Q và bà Trương Thị Đ

có trách nhiệm phải tháo dỡ (cắt) phần mái tole theo hiện trạng từ điểm 58-59-74-30-65-64-63-62-61-60-58. (Thể hiện theo hồ sơ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B ngày 20/02/2023 kèm theo)

5. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị Kim H đối với nguyên đơn ông Lê Văn Q, bà Trương Thị Đ về việc yêu cầu ông Q, bà Đ đập bỏ phần ô quăng nhà.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/8/2023, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn trình bày việc phát sinh tranh chấp của các bên sau khi bị đơn xây dựng hàng rào và yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

*Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:*

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 80/2023/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng của các bên đương sự, xét kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.*

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn còn trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 285, Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án phúc thẩm thu thập tài liệu chứng cứ (đo đạc lại ranh, xác minh lại bức tường nhà bị đơn, đo đạc lại hàng rào, thẩm định lại bồn bông), Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án sơ thẩm đã thực hiện việc thu thập chứng cứ từ nhiều nguồn chứng cứ theo quy định tại Điều 94 của Bộ luật tố tụng dân sự, và qua tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cũng không cần thiết phải tiến hành thu thập lại.

[2] Về nội dung:

Ông Q, bà Đ là chủ sử dụng thửa đất số 349, tờ bản đồ số 5 (nay là tờ bản đồ số 22), được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2001 với diện tích là 82,1m<sup>2</sup>, giáp ranh với thửa 350, tờ bản đồ số 5 (nay là tờ bản đồ số 22) do bà Lê Thị Kim H đứng tên chủ sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2017 với diện tích là 197,8m<sup>2</sup>. Ông Q, bà Đ cho rằng bà H xây dựng hàng rào và tường nhà lấn qua thửa đất số 349, tờ bản đồ số 22 nên phát sinh tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, kháng cáo của nguyên đơn:

[3.1] Về nguồn gốc các thửa đất và quá trình quản lý, sử dụng đất: Căn cứ vào quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lời trình bày của các bên đương sự, thửa đất 349 và 350, cùng tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre có nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất như sau:

Thửa đất số 349, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại phường A, thành phố B có nguồn gốc do ông Q, bà Đ nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thanh H1 vào năm 1992 và ông Q đã được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 14/02/2001. Theo đơn đăng ký quyền sử dụng đất, sở hữu nhà thể hiện kết cấu căn nhà khi ông Q nhận chuyển nhượng của ông H1 là cột cây, vách nhờ, mái ngói, nền gạch. Năm 2001, nguyên đơn xây dựng nhà kiên cố và sinh sống cho đến thời điểm tranh chấp.

Thửa đất số 350, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại phường A, thành phố B có nguồn gốc do cha, mẹ bà H là ông Lê Văn H2 và bà Lê Thị Kim H5 nhận chuyển nhượng của bà Đỗ Thị Ngọc Đ1 vào năm 1980, trên thửa đất có hiện trạng căn nhà có kết cấu nhà tường, mái tole, nền gạch. Đến năm 2017, bà Lê Thị Kim H nhận thừa kế từ cha ruột của bà là ông Lê Văn H2 và bà H đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 11/7/2017. Trên thửa đất này, có căn nhà đã được xây dựng từ trước thời điểm gia đình bà H nhận chuyển nhượng lại của bà Ngọc Đ1, sau đó do gia đình

bà H quản lý, sử dụng căn nhà và đến năm 2019 bà H xây dựng lại nhà, xảy ra tranh chấp với ông Q.

[3.2] Về xem xét vị trí đất có xây dựng nhà ở của nguyên đơn và bị đơn:

Vào thời điểm ông Q, bà Đ1 nhận chuyển nhượng phần đất thửa 349 thì thửa đất 350 đang do cha mẹ của bà H quản lý, trên phần đất đã có căn nhà cũ của gia đình bà H nhận chuyển nhượng của bà Ngọc Đ1. Hiện trạng phần đất thửa 349 khi vợ chồng ông Q nhận chuyển nhượng, trên đất có căn nhà có kết cấu “cột cây- vách nhò- mái ngói- nền gạch” (theo đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở ngày 12/02/1997 của ông Lê Văn Q). Điều đó thể hiện, khi nhận chuyển nhượng nhà, đất thì nhà ông Q sử dụng phần tường nhà cũ của gia đình bà H. Năm 2001, khi gia đình ông Q xây dựng lại nhà thì phần tường nhà của ông Q phía bên giáp đất bà H có vị trí sát với vách tường nhà cũ của bà H, hiện trạng sử dụng hai thửa đất được duy trì và các bên không có phát sinh tranh chấp gì. Đến năm 2019, khi bà H xây lại nhà, ông Q từng khiếu nại ra Ủy ban nhân dân Phường C4 (nay là Phường A), thành phố B vì cho rằng việc bà H xây lại nhà làm hư hại tường nhà của ông Q chứ không phát sinh tranh chấp ranh đất. Tranh chấp được giải quyết, hai bên thống nhất bà H phải bồi thường cho gia đình ông Q 14.000.000 đồng. Tại biên bản làm việc ngày 24/12/2019 của Ủy ban nhân dân Phường C4 (nay là phường A), thành phố B thể hiện ông Q, bà Đ1 đã nhận đủ số tiền 14.000.000 đồng, đồng thời cam kết không thắc mắc, kiến nghị về số tiền vách tường, mái tole và những hạn mục khác và tạo điều kiện để bà H hoàn thành công trình nhà ở, tức là ông Q, bà Đ1 và bà H không phát sinh tranh chấp và ông Q, bà Đ1 không có ý kiến phản đối về vị trí xây dựng nhà ở của bà H. Ngoài ra, tường nhà mới của bà H được xây dựng lại tại vị trí tường nhà cũ và không có sự thay đổi về vị trí. Đồng thời theo lời trình bày của người làm chứng ông Lê Minh H4 (cán bộ địa chính Phường lúc ông Q xây nhà) xác nhận vào thời điểm ông Q xây dựng nhà thì ông có xuống kiểm tra xây dựng, ông Q xây dựng nhà mới kiên cố trên nền nhà cũ và xây dựng hết ranh đất của mình.

Nguyên đơn cũng có trình bày, phần nhà sau của gia đình nguyên đơn từ khi nhận chuyển nhượng phần đất từ năm 1992 cho đến nay vẫn chưa xây dựng lại, tường nhà vẫn giữ nguyên. Qua xem xét, thẩm định tại chỗ và kết quả đo đạc, nhận thấy hiện trạng hai bức tường nhà của vợ chồng ông Q và của bà H sát nhau. Theo hồ sơ đo đạc, căn cứ vào ranh địa chính và hiện trạng sử dụng đất thì chủ sử dụng đất hai thửa đất 349 và 350 có sự lấn ranh qua lại, cụ thể: bà H đã sử dụng một phần diện tích đất thuộc thửa 349 tại thửa 349f, diện tích 1,1 m<sup>2</sup>; ông Q, bà Đ1 cũng sử dụng một phần thửa đất số 350 tại các thửa 350b, diện tích 0,2 m<sup>2</sup> và thửa 350k, diện tích 0,6 m<sup>2</sup>. Trong khi đó, phần ranh giới hai thửa đất tại vị trí có nhà được các bên sử dụng ổn định từ trước năm 1992 cho đến

nay. Do đó, có căn cứ xác định bản đồ địa chính tại vị trí có nhà của các đương sự thể hiện ranh giới không đúng với hiện trạng sử dụng của các bên nên cần điều chỉnh cho phù hợp với hiện trạng sử dụng đất. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn tháo dỡ bức tường và trả lại phần đất có diện tích 1,1 m<sup>2</sup> thuộc thửa 349f theo hồ sơ đo đạc là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3.3] Về xem xét vị trí đất có hàng rào của nguyên đơn và bị đơn:

Quá trình sử dụng đất, ông Q, bà Đ1 là người xây dựng nhà và hàng rào trước gia đình bà H. Việc xây dựng nhà và hàng rào theo như xác nhận của người làm chứng ông Lê Văn C3 (em ruột ông Q) và ông Trương Văn Q1 (em ruột bà Đ1) là người trực tiếp xây nhà và hàng rào cho gia đình ông Q thì ranh giới phía trước của hai thửa đất tranh chấp là hàng rào bông bụt. Năm 2001, ông Q cất nhà trước và đã xây hàng rào cặp hàng rào bông bụt và cách khoảng 2,5 tấc, riêng chỗ máng nước là cách hàng rào 05 tấc; Máng nước (ô quăng) xây trên phần đất của ông Q. Theo lời khai của người làm chứng ông Phạm Văn T2 (anh của ông Nguyễn Thanh H1- người chuyển nhượng thửa 349 cho ông Q, bà Đ1) thì ông T2 và ông H1 cùng nhận chuyển nhượng phần đất thửa 349 vào năm 1984, trên đất có căn nhà cây, mái ngói, từ cột nhà đến tường rào nhà bà H khoảng 06 tấc có xây hàng gạch để chặn nước mưa tràn vô nhà, phía bên nhà ông Q không có vách nên sử dụng nhờ bức tường nhà bà H làm vách, phần ranh đất giữa thửa 349 và thửa 350 phần phía trước được xác định bởi hàng rào bông bụt do cha bà H trồng, dài khoảng 07 đến 08 mét từ ngoài chạy đến gờ xây chắn nước mưa. Theo lời trình bày của người làm chứng Lê Văn T3 và bà Lư Thị Hồng H3 (là hàng xóm của ông Q và bà H) xác định biết ranh giới thửa đất giữa ông Q và bà H trước đây là hàng rào cây bông bụt, hàng rào này do ông T1 lò dừa trồng, sau đó ông T1 bán cho ông 5 C2 và ông 5 C2 bán lại cho cha của bà H là ông H2. Nhà ông H2 là nhà tường và có gác, nhà bên cạnh là nhà cây. Theo ông, bà biết vị trí trồng cây bông bụt là thuộc phần đất của gia đình bà H.

Xét thấy, vào năm 2001 nguyên đơn xây nhà đồng thời xây hàng rào phía trước nhà (theo họa đồ là hàng rào cũ) trên thửa 349 do ông Q đứng tên quyền sử dụng; ranh giới phần phía trước giữa thửa 349 và 350 được xác định bởi hàng rào bông bụt, ranh giới này tồn tại từ trước khi ông Q nhận chuyển nhượng thửa đất 349. Xem xét họa đồ hiện trạng sử dụng đất, thấy rằng: hàng rào mới do bà H xây dựng cặp theo hàng rào cũ và ở vị trí lệch về hướng phần đất của bị đơn, giữa ranh địa chính và hàng rào mới do bà H xây dựng có diện tích nhỏ (thửa 349i, diện tích 0,1 m<sup>2</sup> và 349h, diện tích 0,5 m<sup>2</sup>) thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn. Phía nguyên đơn cũng xây dựng ô quăng có 01 phần (trên không) diện tích 0,1 m<sup>2</sup> thuộc thửa 350i thuộc quyền sử dụng đất của bị đơn. Xem xét quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lời khai của nguyên đơn,

nhận thấy vào thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên hơn thì hiện trạng sử dụng đất của nguyên đơn, bị đơn đã có sự sai lệch so với ranh địa chính. Nguyên đơn đã xây dựng hàng rào trước để xác lập phần diện tích, không gian sử dụng đất của mình, hiện các bên đương sự đều có sử dụng một phần diện tích do bên kia đứng tên quyền sử dụng đất, và việc sử dụng đất này là ổn định cho đến khi bị đơn xây cất nhà mới mới phát sinh tranh chấp. Nay nguyên đơn và bị đơn đều có hàng rào phân định ranh giới nên xét thấy cần giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất giữa các bên, xác lập ranh giới giữa thửa 349 và thửa 350 theo hiện trạng sử dụng đất là hàng rào mới do bị đơn xây dựng. Do đó, nguyên đơn căn cứ vào ranh địa chính yêu cầu bị đơn tháo dỡ hàng rào trả lại phần đất thuộc thửa 349i (0,1 m<sup>2</sup>) và thửa 349h (diện tích 0,5 m<sup>2</sup>) là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3.4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc căn cứ vào ranh địa chính để yêu cầu bị đơn trả lại phần đất thuộc thửa 349g (0,4 m<sup>2</sup>) và 349e (1,1 m), bị đơn bà H trình bày đồng ý giữ nguyên theo hiện trạng sử dụng đất, cụ thể là hàng rào mới và bức tường nhà do bà H xây dựng nên Hội đồng xét xử ghi nhận, công nhận thửa 349g và thửa 349e theo hồ sơ đo đạc ngày 20/02/2023 thuộc quyền sử dụng của ông Q, bà Đ1.

[3.5] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bít 02 lam gió và 01 cửa sổ nhà của bị đơn phía giáp nhà của nguyên đơn, phía bị đơn đã thực hiện xong nhưng nguyên đơn vẫn yêu cầu Tòa án tuyên buộc bị đơn thực hiện. Xét thấy, bị đơn đã thực hiện xong phần yêu cầu này thể hiện qua biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre có sự xác nhận của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu này của nguyên đơn là không có căn cứ nên Toà án sơ thẩm không chấp nhận là phù hợp.

[3.6] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn xây trả lại bồn hoa trên không đã tháo dỡ, thấy rằng: nguyên đơn chỉ yêu cầu xây lại bồn hoa vì cho rằng bị đơn đã tự ý tháo dỡ, đồng thời xác định không có yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với bồn hoa bị tháo dỡ. Tuy nhiên, khi bị đơn tháo dỡ phần bồn hoa này, nguyên đơn không có ý kiến gì, hiện nay nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh bị đơn đã có lỗi và gây thiệt hại cho nguyên đơn. Hơn nữa, tài sản bị thiệt hại không còn nên không thể tiến hành định giá, xác định thiệt hại, cũng như không có căn cứ nào xác định được hình dạng, kích thước bồn hoa cũ trước đây của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu này của nguyên đơn là không có căn cứ nên Toà án sơ thẩm không chấp nhận là phù hợp.

[3.7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn tháo dỡ

hàng rào, tường nhà trả lại đất đã lấn chiếm; bít lam gió, cửa sổ và xây lại bồn hoa. Giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất, xác định ranh đất giữa 02 thửa đất 349 và 350 là từ điểm 65-64-63-62-61-60-58-59-54-50-51-52-53 theo hồ sơ đo đạc ngày 20/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B.

[4] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn:

Bị đơn có yêu cầu phản tố về việc yêu cầu nguyên đơn tháo dỡ (cắt) phần mái tole mà nguyên đơn đã xây dựng trên phần đất của bị đơn. Như đã phân tích ở phần [3], cần giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất và xác định ranh đất giữa 02 thửa đất 349 và 350 là từ điểm 65-64-63-62-61-60-58-59-54-50-51-52-53 theo hồ sơ đo đạc ngày 20/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B. Qua xem xét hồ sơ đo đạc thể hiện hiện trạng một phần mái tole của nhà nguyên đơn lấn sang phần đất của bị đơn trên khoảng không so với ranh vừa xác định, làm ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của gia đình bị đơn, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án ở sơ thẩm nguyên đơn cũng trình bày sẽ tự tháo dỡ nếu xác định phần mái tole của mình xây dựng trên phần đất của bị đơn. Vì vậy, yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn tháo dỡ (cắt) phần mái tole mà nguyên đơn đã xây dựng trên phần đất của bị đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Đối với phần hàng rào và phần đất có diện tích 0,3 m<sup>2</sup> nằm trên thửa đất giao thông thuộc quyền quản lý của Nhà nước nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án sơ thẩm đã xem xét toàn diện đầy đủ các yêu cầu của các đương sự và giải quyết vụ án phù hợp quy định của pháp luật, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[6] Quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,  
Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn Q, bà Trương Thị Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 80/2023/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 165, 200, 217, 218, 233, 244, 259, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 175, 176 Bộ luật Dân sự; các Điều 166, 170, 202, 203 Luật đất đai; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Q, bà Trương Thị Đ đối với bị đơn bà Lê Thị Kim H về việc yêu cầu tháo dỡ hàng rào và tường nhà để trả lại phần đất có diện tích 1,7 m<sup>2</sup> thuộc các thửa đất 349f (1,1 m<sup>2</sup>), 349i (0,1 m<sup>2</sup>) và 349h (0,5 m<sup>2</sup>) thuộc một phần thửa đất số 349, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại phường A, thành phố B. Xác định ranh giới giữa thửa đất số 349, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại phường A, thành phố B với thửa đất số 350, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại phường A, thành phố B là từ điểm 65-64-63-62-61-60-58-59-54-50-51-52-53. (Thể hiện theo hồ sơ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B ngày 20/02/2023 kèm theo)

Ông Lê Văn Q và bà Lê Thị Kim H liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh lại diện tích và hồ sơ kỹ thuật thửa đất theo ranh giới đã được xác định theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Q, bà Trương Thị Đ đối với bị đơn bà Lê Thị Kim H về việc yêu cầu bít 02 lam gió, cửa sổ và xây lại bồn hoa đã tháo dỡ.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Q, bà Trương Thị Đ đối với bị đơn bà Lê Thị Kim H về việc yêu cầu trả lại phần đất 0,7 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 349, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại phường A, thành phố B.

4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị Kim H đối với nguyên đơn ông Lê Văn Q, bà Trương Thị Đ, buộc ông Lê Văn Q và bà Trương Thị Đ có trách nhiệm phải tháo dỡ (cắt) phần mái tole theo hiện trạng từ điểm 58-59-74-30-65-64-63-62-61-60-58. (Thể hiện theo hồ sơ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B ngày 20/02/2023 kèm theo)

5. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị Kim H đối với nguyên đơn ông Lê Văn Q, bà Trương Thị Đ về việc yêu cầu ông Q, bà Đ đập bỏ phần ô quăng nhà.

6. Về chi phí thu thập chứng cứ: Chi phí thu thập chứng cứ là: 10.237.000 (Mười triệu, H6 trăm, ba mươi bảy nghìn) đồng, do nguyên đơn phải có nghĩa vụ nộp và đã thực hiện xong.

7. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Lê Văn Q và bà Trương Thị Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.600.000 (Bảy triệu, sáu trăm nghìn) đồng theo các biên lai thu số 0002586 ngày 08 tháng 11 năm 2021, 0000041 ngày 20 tháng 4 năm 2021 và 0003421 ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho ông Lê Văn Q và bà Trương Thị Đ số tiền tạm ứng án phí 7.300.000 (Bảy triệu, ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo các biên lai thu tiền nêu trên.

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho bà Lê Thị Kim H số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000042 ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

8. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Văn Q và bà Trương Thị Đ mỗi người phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo các biên lai thu số 0007191 và 0007192 cùng ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Ông Q, bà Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**Nguyễn Thế Hồng**